

Số: 18/TB-BQLCC

Bố Trạch, ngày 13 tháng 11 năm 2023

THÔNG BÁO

Công khai về việc lựa chọn tổ chức đấu giá cho thuê điểm kinh doanh tại đình chính chợ Hoàn Lão

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016;

Căn cứ Quyết định số 227/QĐ-UBND ngày 03/02/2023 của UBND huyện Bố Trạch về việc phê duyệt phương án cho thuê và đấu giá quyền sử dụng các điểm kinh doanh tại đình chính chợ Hoàn Lão, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 1738/QĐ-UBND ngày 17/5/2023 của UBND huyện Bố Trạch về việc phê duyệt điều chỉnh phương án cho thuê và đấu giá quyền sử dụng các điểm kinh doanh tại đình chính chợ Hoàn Lão;

Căn cứ Quyết định số 5217/QĐ-UBND ngày 30/10/2023 của UBND huyện Bố Trạch về việc phê duyệt phương án điều chỉnh bố trí, sắp xếp điểm kinh doanh đình chính chợ Hoàn Lão;

Căn cứ Quyết định số 1676/QĐ-UBND ngày 15/5/2023 của UBND huyện Bố Trạch về việc phê duyệt giá khởi điểm để tổ chức cho thuê và đấu giá cho thuê quyền sử dụng điểm kinh doanh tại đình chính chợ Hoàn Lão, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 2177/QĐ-UBND ngày 06/6/2023 của UBND huyện Bố Trạch về việc phê kết quả cho thuê các điểm kinh doanh tại đình chính Chợ Hoàn Lão, huyện Bố Trạch;

Căn cứ Thông báo số 1988/QĐ-UBND ngày 29/9/2023 của UBND huyện Bố Trạch về việc thông báo kết luận của đồng chí Bùi Quốc Thanh - Phó Chủ tịch UBND huyện tại cuộc họp bàn phương án xử lý các điểm kinh doanh đình chính chợ Hoàn Lão

I. Người có tài sản đấu giá:

1. Đơn vị có tài sản đấu giá: UBND huyện Bố Trạch.
2. Đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện việc đấu giá: Ban Quản lý các công trình công cộng huyện Bố Trạch.

Địa chỉ: Đường Nguyễn Tất Thành, Tiểu khu 3, thị trấn Hoàn Lão, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

II. Tên tài sản, số lượng, chất lượng, giá khởi điểm của tài sản đấu giá:

Cho thuê quyền sử dụng 24 điểm kinh doanh tại tầng 1, đình chính chợ Hoàn Lão, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Diện tích từ mỗi điểm kinh doanh là 5m²; Giá khởi điểm từ 55.000.000 đồng/ĐKD đến 112.000.000 đồng/ĐKD, tổng giá khởi điểm 24 điểm kinh doanh là 1.549.000.000 đồng; Thời hạn sử dụng: 10 năm; Kinh doanh các mặt hàng: Chăn, ra, gối nệm; giày, dép, các phụ kiện da, giả da; mỹ phẩm, dược phẩm, bánh kẹo, bia rượu, nước giải khát, mặt hàng tạp hóa và các mặt hàng tương tự.

(Chi tiết tại Phụ lục 1)

III. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản:

Tổ chức đấu giá tài sản được đánh giá, chấm điểm dựa theo các nhóm tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản quy định tại khoản 4 Điều 56 Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016, Thông tư số 02/2022/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành ngày 08/02/2022 và các tiêu chí khác do Ban Quản lý các công trình công cộng huyện Bố Trạch quy định.

Tổ chức đấu giá tài sản được chọn là tổ chức có tổng số điểm cao nhất của các tiêu chí cộng lại. Trường hợp có từ hai tổ chức đấu giá tài sản trở lên có tổng số điểm cao nhất bằng nhau thì Ban Quản lý các công trình công cộng huyện Bố Trạch xem xét, quyết định lựa chọn một trong các tổ chức đấu giá tài sản đó.

(Chi tiết tại Phụ lục 2)

IV. Thành phần hồ sơ nộp đăng ký tham gia

- Đơn, văn bản đăng ký tham gia tổ chức đấu giá tài sản kèm phương án đấu giá (bản chính).
- Các giấy tờ, tài liệu chứng minh các tiêu chí đánh giá.
- Tổ chức đấu giá tài sản tham gia nộp hồ sơ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của các thông tin trong hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn.
- Hồ sơ được sắp xếp theo thứ tự các tiêu chí và đóng thành quyển.

V. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá

Thời gian nhận hồ sơ từ 8 giờ 00 phút ngày 13/11/2023 đến 16 giờ 30 phút ngày 17/11/2023 (Nhận hồ sơ trong giờ hành chính các ngày làm việc).

Địa điểm nộp hồ sơ: Ban Quản lý các công trình công cộng huyện Bố Trạch;

Địa chỉ: Đường Nguyễn Tất Thành, Tiểu khu 3, thị trấn Hoàn Lão, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Hình thức nộp hồ sơ:

- + Hồ sơ đăng ký phải nộp trực tiếp (Không nhận hồ sơ qua đường bưu điện).
- + Người đại diện tổ chức đấu giá tài sản đến nộp hồ sơ phải mang theo giấy giới thiệu, CMND (hoặc CCCD).
- + Không hoàn trả hồ sơ, không thông báo kết quả lựa chọn đối với các tổ chức đấu giá không được lựa chọn.

Ban Quản lý các công trình công cộng huyện Bồ Trạch thông báo để các tổ chức đấu giá tài sản được biết và tham gia đăng ký./.

Nơi nhận:

- Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản
địa chỉ: <https://dgts.moj.gov.vn>;
- Trang thông tin điện tử huyện Bồ Trạch;
- GD, các PGĐ BQLCC;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Kiên

PHỤ LỤC 1

(Kèm theo Thông báo số 18/TB-BQLCC ngày 13/11/2023 của BQL các công trình công cộng huyện Bồ Trạch)

TT	Điểm kinh doanh	Phân loại điểm kinh doanh	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm (Đồng)	Ghi chú	Mặt hàng kinh doanh
1	S2	2B	5	76.000.000	1 mặt tiền	Chăn, ra, gói nệm; giày, dép, các phụ kiện da, giả da; mỹ phẩm, dược phẩm; bánh kẹo, bia rượu, nước giải khát, mặt hàng tạp hóa và các mặt hàng tương tự
2	S3	3	5	55.000.000	1 mặt tiền	
3	S4	2B	5	76.000.000	1 mặt tiền	
4	S7	3	5	55.000.000	1 mặt tiền	
5	S11	1C	5	112.000.000	2 mặt tiền	
6	S59	2C	5	66.000.000	1 mặt tiền	
7	S60	2B	5	76.000.000	1 mặt tiền	
8	S61	2C	5	66.000.000	1 mặt tiền	
9	S64	2C	5	66.000.000	2 mặt tiền	
10	S80	3	5	55.000.000	2 mặt tiền	
11	S81	3	5	55.000.000	2 mặt tiền	
12	S82	2C	5	66.000.000	2 mặt tiền	
13	S83	2C	5	66.000.000	2 mặt tiền	
14	S84	2C	5	66.000.000	2 mặt tiền	
15	S91	2C	5	66.000.000	2 mặt tiền	
16	S92	2C	5	66.000.000	2 mặt tiền	
17	S94	3	5	55.000.000	1 mặt tiền	
18	S95	3	5	55.000.000	2 mặt tiền	
19	S99	2B	5	76.000.000	1 mặt tiền	
20	S100	3	5	55.000.000	1 mặt tiền	
21	S101	3	5	55.000.000	1 mặt tiền	
22	S105	3	5	55.000.000	1 mặt tiền	
23	S108	3	5	55.000.000	1 mặt tiền	
24	S109	3	5	55.000.000	2 mặt tiền	
	TỔNG		120	1.549.000.000		

PHỤ LỤC 2

Bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm tổ chức đấu giá quyền sử dụng điểm kinh doanh tại đình chính chợ Hoàn Lão

(Kèm theo Thông báo số 18/TB-BQLCC ngày 13/11/2023 của BQL các công trình
công cộng huyện Bố Trạch)

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm tối đa	Ghi chú
I	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	23,0	
1	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	11,0	
1.1	Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (Số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử,...)	6,0	
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện	5,0	
2	Trang thiết bị cần thiết đảm bảo cho việc đấu giá	8,0	
2.1	Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá đảm bảo an toàn, bảo mật và các phương tiện khác đảm bảo cho việc đấu giá	4,0	
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá	4,0	
3	Có trang thông tin điện tử đang hoạt động	2,0	
4	Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	1,0	
5	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0	
II	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	22,0	
1	Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, đảm bảo tính công khai, minh bạch, khách quan	4,0	
2	Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao.	4,0	
3	Phương án đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng đìm giá	4,0	

4	Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá	4,0	
5	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá	3,0	
6	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá	3,0	
III	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản	45,0	
1	Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá đã thực hiện).	6,0	
1.1	Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)	2,0	
1.2	Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng	3,0	
1.3	Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng	4,0	
1.4	Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng	5,0	
1.5	Từ 30 hợp đồng trở lên	6,0	
2	Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá đã thực hiện).	18,0	
2.1	Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)	10,0	
2.2	Từ 20% đến dưới 40%	12,0	
2.3	Từ 40% đến dưới 70%	14,0	
2.4	Từ 70% đến dưới 100%	16,0	
2.5	Từ 100% trở lên	18,0	
3	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực).	5,0	
3.1	Dưới 3 năm	3,0	
3.2	Từ 03 năm đến dưới 5 năm	4,0	
3.3	Từ 05 năm trở lên	5,0	

4	Số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản	3,0	
4.1	01 đấu giá viên	1,0	
4.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	2,0	
4.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	3,0	
5	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản)	4,0	
5.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	2,0	
5.2	Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	3,0	
5.3	Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	4,0	
6	Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng	5,0	
6.1	Dưới 50 triệu đồng	2,0	
6.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	3,0	
6.3	Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng	4,0	
6.4	Từ 200 triệu đồng trở lên	5,0	
7	Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động	3,0	
7.1	Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)	2,0	
7.2	Từ 03 nhân viên trở lên	3,0	
8	Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn	1,0	
IV	Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp	5,0	
1	Bằng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính	3,0	
2	Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá	4,0	
3	Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá	5,0	

V	Tiêu chí khác: Có ít nhất 03 hợp đồng đấu giá tài sản cùng loại trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.	5,0	
	TỔNG SỐ ĐIỂM	100,0	
VI	Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố		
1	Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện	
2	Không có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện	